

Bản án số: 456/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023
V/v: “T/c về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quốc Hà

ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: bà Lê Duy Bảo Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021; “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 431/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 392/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phan Thị V, sinh năm 1975; địa chỉ:, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền của bà V: ông Trần Quang M, sinh năm 1969; địa chỉ:, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: ông Phan Văn C; Phan Văn H3; cùng địa chỉ:, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bà Phan Thị T; địa chỉ:, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn H (chết ngày 06/3/1991);

Các con của ông H là:

+ Chị Phan Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ:, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

+ Chị Phan Thị X, sinh năm 1984; địa chỉ:, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

+ Anh Phan Công M, sinh năm 1987; địa chỉ:, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

+ Phan Văn T, sinh năm 1988 (chết ngày 31/7/2019)

(+) Vợ của anh T: chị Đoàn Thị P E, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh T, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

(+) Con đẻ của anh T: cháu Phan Tuấn A, sinh năm 2018; địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh T

- Bà Phan Thị P, sinh năm 1961; địa chỉ: Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- Ông Phan Văn D; địa chỉ: phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- Bà Phan Thị H, sinh năm: 1968; ông Phan Văn H1, sinh năm 1977; ông Phan Văn H2, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Chị Trần Thị Bé O, sinh năm 1990 và cháu Phan Thị H T, sinh năm 2008 (cháu T là con của chị O); cùng địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2021, bản tự khai, các phiên làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: cha bà V là cụ Phan Văn N (chết ngày 30/10/2004), mẹ bà V là cụ Nguyễn Thị V (chết ngày 31/8/2017) ông, bà nội ngoại của bà V đều đã chết từ lâu. Cụ N và cụ V có 10 người con chung là các ông, bà sau: bà Phan Thị V, ông Phan Văn C; ông Phan Văn H3, bà Phan Thị T, ông Phan Văn H, bà Phan Thị P, ông Phan Văn D, bà Phan Thị H, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2.

Trong thời gian chung sống cụ N và cụ V có tạo lập được tài sản là căn nhà và đất ở tọa lạc tại địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Hồ sơ gốc số: , ngày tháng năm 2003 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho cụ Phan Văn N và cụ Nguyễn Thị V (sau đây gọi tắt là nhà 73).

Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án là chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà 73. Theo Biên bản định giá ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá thì di sản này có giá trị phần xây dựng: 51.160.626 đồng; giá trị quyền sử dụng đất là: 5.952.000.000 đồng; giá trị nhà và đất: 51.160.626 đ + 5.952.000.000 đ = 6.003.160.626 đ (sáu tỷ ba triệu một trăm sáu mươi ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng), bà V xin chia đều cho các đồng thừa kế, mỗi người được nhận số tiền là 600.316.063 đồng, bà V xin được nhận 600.316.063 đồng.

Ý kiến của các đương sự về việc chia thừa kế:

Bà H, ông H1, ông H2, chị T, chị V: đều thống nhất như ý kiến của bà V đã trình bày, các đương sự này đồng ý chia thừa kế theo pháp luật vì di sản này không có di chúc.

Ông C, ông H3: tại phiên tòa này ông C, ông H3 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và có yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật vì di sản này không có di chúc.

Ông D có ý kiến trong bản tự khai: ông D xác định có di sản, không có di chúc, mong Tòa án xem xét giải quyết, ông bà nội ngoại chết từ lâu.

Chị Đoàn Thị P E trong bản tự khai xin được nhận di sản của anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015

+ Bị đơn ông Phan Văn C, Phan Văn H3 thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS, chưa thực hiện đúng quy định nội quy phiên tòa, không có mặt đúng giờ tại phiên tòa xét xử.

+ Bị đơn bà Phan Thị T chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS vì không có mặt theo triệu tập hợp lệ của Tòa án.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị P, ông Phan Công Minh, bà Trần Thị Bé O (Vợ của ông Phan Văn H1), cháu Phan Thị H T (Con của bà O và ông Phan Văn H1) chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 BLTTDS vì không có mặt theo triệu tập hợp lệ của Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế của ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị V thành 10 phần bằng nhau.

- Bà Phan Thị T, bà Phan Thị X, ông Phan Công M được hưởng mỗi người ¼ suất thừa kế của ông H.

- Bà Đoàn Thị P E, trẻ Phan Tuấn A được hưởng ½ suất thừa kế của ông Phan Văn T.

Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, đối tượng tranh chấp là bất động sản cũng tọa lạc tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Bà T, anh M, bà P, ông D, chị O, chị P E vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa này.

[2] Về nội dung:

Xác định di sản thừa kế, người thừa kế:

Căn cứ giấy chứng tử (bản sao) số: 00084, quyền số 01/2004 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận G thì cụ Phan Văn N, sinh năm: 1938, đã chết vào ngày 30/10/2004.

Căn cứ Trích lục khai tử (bản sao) ngày 19/4/2021 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận G thì cụ Nguyễn Thị V, sinh năm: 1942, đã chết vào ngày 31/8/2017.

Căn cứ giấy chứng tử (bản sao) số: 22 - QH, quyền số 01/99 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận G thì ông Phan Văn H, sinh năm: 1959, đã chết vào ngày 06/3/1991.

Căn cứ Trích lục khai tử (bản sao) ngày 07/8/2019 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp thì anh Phan Văn T, sinh năm: 1988, đã chết vào ngày 31/7/2019.

Hội đồng xét xử xác định nhà 73 là di sản thừa kế của cụ N, cụ V.

Cụ N, cụ V không để lại di chúc về việc định đoạt đối với nhà 73.

Theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nhà 73 là di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

Căn cứ Điều 618 của Bộ luật dân sự năm 2015, các đương sự không thỏa thuận về người quản lý di sản, nên Hội đồng xét xử không xét việc hưởng thù lao của người quản lý di sản.

Theo Biên bản định giá ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá thì di sản này có giá trị 6.003.160.626 đ (sáu tỷ ba triệu một trăm sáu mươi ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì cha, mẹ đẻ của cụ N, cụ V đều đã chết, cụ N, cụ V không có cha, mẹ nuôi, con nuôi. Như vậy, theo Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của di sản thừa kế của cụ N, cụ V chỉ có các con đẻ, là những người sau: bà Phan Thị V, ông Phan Văn C; ông Phan Văn H1, bà Phan Thị T, ông Phan Văn H, bà Phan Thị P, ông Phan Văn D, bà Phan Thị H, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2. Ông H chết trước cụ N, cụ V, nên các con của ông H là chị T, chị X, anh M, anh T được thừa kế thế vị phần thừa kế của ông H. Nhưng anh T đã chết nên phần thừa kế của anh T được chia đôi cho chị P E là vợ của anh T và cháu Tuấn Anh là con của anh T mỗi người được nhận một phần bằng nửa giá trị di sản mà anh T được hưởng.

Hội đồng xét xử thống nhất:

Nhà 73 có giá trị 6.003.160.626 đ (sáu tỷ ba triệu một trăm sáu mươi ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng), được chia đều cho những người được hưởng di sản là: bà Phan Thị V, ông Phan Văn C; ông Phan Văn H1, bà Phan Thị T, ông Phan Văn H, bà Phan Thị P, ông Phan Văn D, bà Phan Thị H, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2, mỗi người được nhận số tiền là 600.316.063 đồng (sáu trăm triệu ba trăm mười sáu ngàn không trăm sáu mươi ba đồng).

Ông H chết trước cụ N, cụ V, nên các con của ông H là chị T, chị X, anh M, anh T được thừa kế thế vị phần thừa kế của ông H, mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ suất thừa kế của ông H với số tiền là 150.079.016 đ (một trăm năm mươi triệu không trăm bảy mươi chín ngàn không trăm mười sáu đồng).

Anh T đã chết, chị P E và cháu Tuấn A được nhận mỗi người được chia ½ suất thừa kế của anh T với số tiền là 75.039.508 đ (bảy mươi lăm triệu không trăm ba mươi chín ngàn năm trăm linh tám đồng).

Đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền được phát mãi nhà 73 để thực hiện việc chia thừa kế nêu trên. Những người đang ở, đang thuê căn nhà trên phải di dời người và tài sản của mình ra khỏi nhà khi có yêu cầu của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị V, ông Phan Văn C; ông Phan Văn H1, bà Phan Thị T, bà Phan Thị P, ông Phan Văn D, bà Phan Thị H, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2, mỗi người phải chịu là 28.012.643 đ (hai mươi tám triệu không trăm mười hai ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng) là án phí do được nhận di sản thừa kế. Chị Phan Thị T, chị Phan Thị X, anh Phan Công M mỗi người phải chịu là 7.503.951 đ (bảy triệu năm trăm linh ba ngàn chín trăm năm mươi một đồng) là án phí do được nhận di sản thừa kế, chị Đoàn Thị P E phải chịu là 3.751.975 đ (ba triệu bảy trăm năm mươi một ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng) là án phí do được nhận di sản thừa kế. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì cháu Phan Tuấn A được miễn án phí vì là trẻ E, bà P có yêu cầu miễn án phí vì là người cao tuổi nên bà P được miễn toàn bộ án phí.

Về chi phí tố tụng khác: bà V đã chi tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) cho việc xE xét thẩm định tại chỗ và 10.000.000 đ (mười triệu đồng) cho việc định giá tài sản đối với nhà số 73, căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự được nhận giá trị tài sản từ việc chia thừa kế nhà 73 đều phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị tài sản mà họ được chia, nên bà V, ông C; ông H1, bà T, bà P, ông D, bà H, ông H1, ông H2 mỗi người phải chịu là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), do bà V đã chi tổng số 15.000.000 đồng cho việc xE xét thẩm định tại chỗ và định giá nhà 73, nên ông C; ông H1, bà T, bà P, ông D, bà H, ông H1, ông H2 mỗi người phải trả số tiền là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà V.

Chị T, chị X, anh M, chị P E (chị E là người nhận một phần di sản của anh T và là người đại diện theo pháp luật của cháu Tuấn A) mỗi người phải chịu là 375.000 đ (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) chi phí tố tụng khác, do bà V đã chi tổng số 15.000.000 đồng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá nhà 73, nên Chị T, chị X, anh M, chị P E (chị E là người nhận một phần di sản của anh T và là người đại diện theo pháp luật của cháu Tuấn A) mỗi người phải trả số tiền là 375.000 đ (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho bà V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 259, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 638, 616, 617, 618, 623, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Áp dụng pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Nhà và đất ở tọa lạc tại địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Hồ sơ gốc số: , ngày tháng năm 2003 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho cụ Phan Văn N và cụ Nguyễn Thị V (gọi tắt là nhà 73) là di sản thừa kế trong vụ án này.

Nhà 73 có giá trị 6.003.160.626 đ (sáu tỷ ba triệu một trăm sáu mươi ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng), được chia đều cho những người được hưởng di sản là: bà Phan Thị V, ông Phan Văn C; ông Phan Văn H3, bà Phan Thị T, ông Phan Văn H, bà Phan Thị P, ông Phan Văn D, bà Phan Thị H, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2, mỗi người được nhận số tiền là 600.316.063 đồng (sáu trăm triệu ba trăm mười sáu ngàn không trăm sáu mươi ba đồng).

Ông H chết trước cụ N, cụ V, nên các con của ông H là chị Phan Thị T, chị Phan Thị X , anh Phan Công M, anh Phan Văn T được thừa kế thế vị phần thừa kế của ông H, mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ suất thừa kế của ông H với số tiền là 150.079.016 đ (một trăm năm mươi triệu không trăm bảy mươi chín ngàn không trăm mười sáu đồng).

Anh T đã chết, chị Đoàn Thị P E và cháu Phan Tuấn A được nhận mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ suất thừa kế của anh T với số tiền là 75.039.508 đ (bảy mươi lăm triệu không trăm ba mươi chín ngàn năm trăm linh tám đồng).

Đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền được phát mãi nhà 73 để thực hiện việc chia thừa kế nêu trên. Những người đang ở, đang thuê căn nhà trên phải di dời người và tài sản của mình ra khỏi nhà khi có yêu cầu của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị V, ông Phan Văn C; ông Phan Văn H3, bà Phan Thị T, ông Phan Văn D, bà Phan Thị H, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2, mỗi người phải chịu là 28.012.643 đ (hai mươi tám triệu không trăm mười hai ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng) là án phí do được nhận di sản thừa kế. Chị Phan Thị T, chị Phan Thị X, anh Phan Công M mỗi người phải chịu là 7.503.951 đ (bảy triệu năm trăm linh ba ngàn chín trăm năm mươi một đồng) là án phí do được nhận di sản thừa kế, chị Đoàn Thị P E phải chịu là 3.751.975 đ (ba triệu bảy trăm năm mươi một ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng) là án phí do được nhận di sản thừa kế.

Bà Phan Thị P và cháu Phan Tuấn A được miễn toàn bộ án phí.

Về chi phí tố tụng khác: bà V đã chi tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và 10.000.000 đ (mười triệu đồng) cho việc định giá tài sản đối với nhà số 73, căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự được nhận giá trị tài sản từ việc chia thừa kế nhà 73 đều phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị tài sản mà họ được chia, nên bà V, ông C; ông H3, bà T, bà P, ông D, bà H, ông H1, ông H2 mỗi người phải chịu là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), do bà V đã chi tổng số 15.000.000 đồng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá nhà 73, nên ông C; ông H1, bà T, bà P, ông D, bà H, ông H1, ông H2 mỗi người phải trả số tiền là

1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà V.

Chị T, chị X, anh M, chị P E (chị E là người nhận một phần di sản của anh T và là người đại diện theo pháp luật của cháu Tuấn A) mỗi người phải chịu là 375.000 đ (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) chi phí tố tụng khác, do bà V đã chi tổng số 15.000.000 đồng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá nhà 73, nên Chị T, chị X, anh M, chị P E (chị P E là người nhận một phần di sản của anh T và là người đại diện theo pháp luật của cháu Tuấn A) mỗi người phải trả số tiền là 375.000 đ (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho bà V.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn